

MARKET INSIGHTS REPORTS

04.06.2025

PENNY STOCK XUẤT HIỆN SÓNG NGẦM



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Mức 1,350 điểm vẫn là kháng cự mạnh trong ngắn hạn
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Dự luật ngân sách của Mỹ - Cắt giảm thuế trước cắt giảm chi tiêu sau
CBO ước tính thâm hụt ngân sách của Mỹ
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	374
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	153
Số cổ phiếu giảm giá	151
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	225
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	77
Số cổ phiếu giảm giá	73
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	75

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	388
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	159
Số cổ phiếu giảm giá	126
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	103

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	89,255.88	74,591.86	14,664.02
% KL toàn thị trường	8.54%	7.14%	
Giá trị	2,331,050	2,340,122	(9,072)
% GT toàn thị trường	9.93%	9.96%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	4,386.31	3,709.42	676.89
% KL toàn thị trường	8.54%	7.14%	
Giá trị	88,421	82,494	5,927
% GT toàn thị trường	5.65%	5.27%	

UPCOM

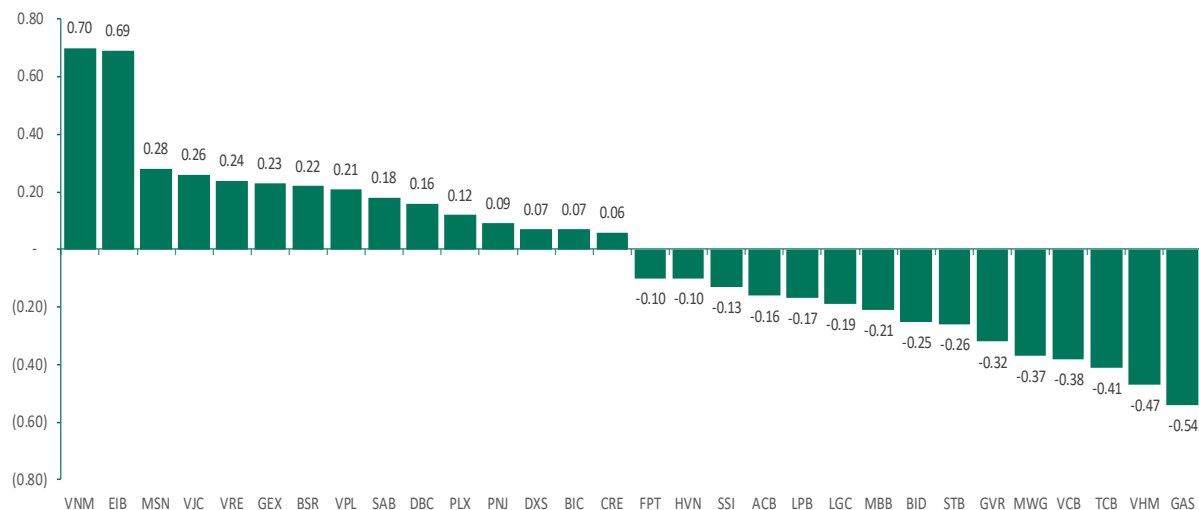
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	552.80	2,605.58	(2,052.78)
% KL toàn thị trường	0.89%	4.21%	
Giá trị	29,370	75,410	(46,041)
% GT toàn thị trường	3.99%	10.25%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	2,690,500	56,600	-200 (-0.35%)	9.37	2.31	6,038	472,931
2	VIC	3,333,300	98,100	0 (0%)	34.92	2.38	2,809	380,489
3	VHM	6,531,300	77,100	-500 (-0.64%)	10.02	1.42	7,696	316,681
4	BID	3,010,300	35,750	-150 (-0.42%)	8.67	1.61	4,122	251,014
5	TCB	15,682,100	31,350	-250 (-0.79%)	8.94	1.44	3,506	221,483
6	CTG	4,155,400	38,500	-50 (-0.13%)	8.01	1.34	4,805	206,745
7	FPT	2,873,300	117,100	-300 (-0.26%)	20.29	4.55	5,772	172,262
8	HPG	25,685,700	25,950	-50 (-0.19%)	13.08	1.41	1,984	165,983
9	VPL	97,700	88,000	500 (0.57%)	59.14	4.41	1,480	156,914
10	GAS	740,200	64,800	-1,000 (-1.52%)	14.13	2.36	4,587	151,805

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.08%	+9.22%	1,609
▼ Tài chính	-0.36%	+3.08%	107
> Tổ chức tín dụng	-0.34%	+2.82%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.81%	+5.82%	65
> Bảo hiểm	+0.52%	+1.16%	13
▶ Bất động sản	-0.06%	+48.81%	144
▼ Công nghiệp	+0.02%	+10.27%	388
> Vận tải	-0.35%	+7.15%	132
> Tư liệu sản xuất	+0.02%	+12.94%	211
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+4.22%	+49.04%	45
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.87%	-7.53%	164
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.88%	-7.63%	157
> Đồ gia dụng và cá nhân	+0.64%	-3.81%	6
▶ Nguyên vật liệu	-0.47%	+0.57%	263
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.12%	+14.40%	263
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.31%	-1.46%	124
> Dịch vụ tiêu dùng	+0.56%	+11.39%	33
> Hàng tiêu dùng và trang trí	+0.40%	+45.86%	94
> Xe và linh kiện	-0.11%	-11.07%	12
▶ Tiện ích	-1.19%	+1.32%	149
▼ Viễn thông	+1.41%	-20.27%	47
> Viễn thông	+1.43%	-20.79%	22
> Truyền thông giải trí	+0.98%	-8.55%	25
▼ Công nghệ thông tin	-0.28%	-23.29%	14
> Phần mềm	-0.28%	-23.34%	7
> Phần cứng	+0.87%	-5.79%	5
> Bán dẫn	0%	-25.23%	2
▶ Năng lượng	+1.65%	-16.48%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.35%	+0.44%	49
> Dược phẩm - sinh học	+0.39%	+1.97%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-0.18%	-19.83%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 1.51 (- 0.11%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ chuyên biệt và thương mại, năng lượng, viễn thông, truyền thông giải trí, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, đồ gia dụng và cá nhân, dịch vụ tiêu dùng, bảo hiểm, hàng tiêu dùng và trang trí, tư liệu sản xuất...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VEF, TV2, PVS, PVD, VGI, FOX, VNZ, YEG, DST, VNM, MSN, DBC, MML, HAG, BAF, HNG, LIX, NET, VPL, OCH, MIG, BMI, GEX, TCM, SAM, GIL, RAL, VGG, HUT, PC1, VCG, C4G, FCN... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) TV2 tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 3 tháng qua – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu 45;
- ✓ Cổ phiếu đang trong vùng quá mua và có phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều. Với NĐT đang nắm giữ cổ phiếu này có thể đặt Trailling Stop;
- ✓ Thông tin hỗ trợ đà tăng giá của cổ phiếu là PVN sẽ trao thầu cho liên doanh TV2 thực hiện dự án Ô Môn 4 – Động lực tăng trưởng lợi nhuận cho TV2;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 68%;

(ii) DBC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra và giá bám biên dải băng trên – Tín hiệu cản trở đà tăng;
- ✓ Cả giá và RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu 30-33;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iii) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VNM vận động theo sóng 4 đối kháng với mẫu hình ABC và vùng kháng cự tiềm năng là 58 – 62. Cổ phiếu cần vượt kháng cự này để xác nhận quay trở lại xu hướng tăng giá;
- ✓ VNM đã thay một loạt giám đốc Marketing trong Q1/2025 nhằm tái cấu trúc hệ thống và tìm kiếm những gương mặt trẻ hơn. Theo như BLĐ cho biết thì bước đầu kết quả kinh doanh Q2/2025 sẽ có khởi sắc nhờ bước đi tái cấu trúc này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 63%;

(iv) VCG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VCG đang ở giá mục tiêu sóng 3 và có thể hình thành sóng 4 đối kháng giảm giá với hỗ trợ quanh vùng giá 21-22;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều ngắn hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(2) Tiện ích, dịch vụ tài chính, nguyên vật liệu, vận tải, tổ chức tín dụng, phân phối và bán lẻ hàng lâu bền, ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như GAS, REE, SSI, VCI, VND, HCM, FTS, CTS, HPG, GVR, DGC, DCM, DPM, MSR, HSG, ACV, HVN, HAH, PHP, VCB, BID, TCB, CTG, MBB, STB, LPB, SHB, MWG, FRT, HHS ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) REE giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong vùng giá mục tiêu sóng 3 là 75 -77. Vận động giá đang theo mô hình đỉnh vòng của phân tích kỹ thuật nên có xác suất điều chỉnh ngắn hạn;
- ✓ Hỗ trợ là vùng giá 69;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) VCI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng thu hẹp và VCI vận động đi ngang trong khung giá 35 – 38;
- ✓ Một Break Down hoặc Break Out sẽ xác nhận xu hướng giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) DCM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ DCM chạm kháng cự MA(200) nên điều chỉnh giảm – Tín hiệu bình thường’
- ✓ Ước tính trong quý 2/2025, doanh thu đạt khoảng 6.200 tỷ đồng, tăng trưởng 60% svck. LNTT đạt 600 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% svck song đã tăng trưởng 32% so với quý liền trước;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 63%;

(iv) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ CTG đi ngang trong vùng giá 37 – 41;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Mốc 1,350 điểm vẫn là kháng cự mạnh trong ngắn hạn

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm nhưng vẫn trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 72 tỷ đồng (Tính cả 3 sản). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: EIB, DBC, NVL, VND, GEX, PVD, DIG, NLG, MSN, VNM ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, STB, DXG, MWG, VPB, HAH, VCI, BID, ACV, FPT... Khối ngoại bán ròng nhẹ sau phiên mua ròng mạnh vào ngày hôm qua. Giao dịch của NĐT tuy chưa thực sự khởi sắc nhưng áp lực bán ròng đã giảm và ta thấy những đốm sáng trong bức tranh tối màu suốt giai đoạn vừa qua.

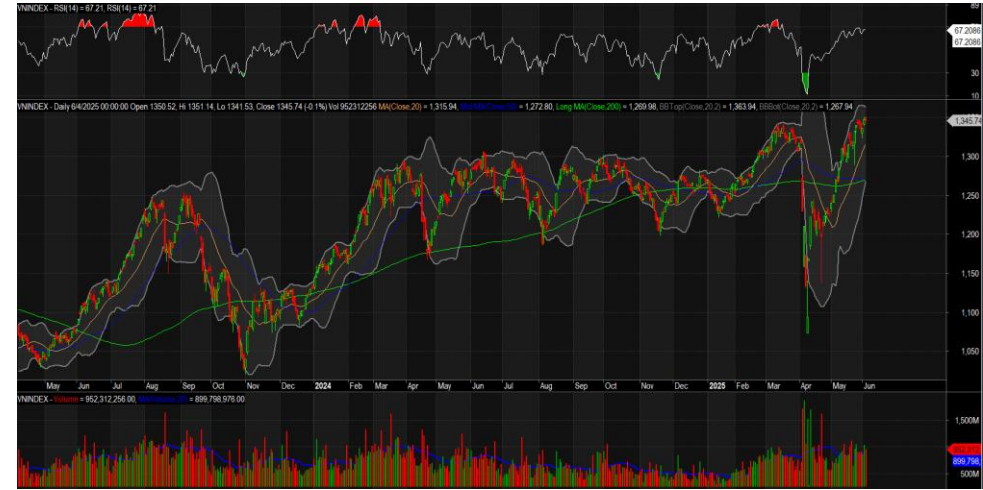
(ii) VN-Index vẫn gặp chút khó khăn ở vùng đỉnh cũ quanh mốc kháng cự 1,350 điểm khi mà chỉ số vẫn chùng xuống vào cuối giờ khi chạm mốc kháng cự này. Như vậy, có vẻ áp lực bán đang gia tăng tại vùng kháng cự 1,350 điểm. Có hai điểm cần lưu ý: (a) Sự xoay tua vẫn diễn ra nhưng rõ ràng một số nhóm dẫn dắt có thể bị chốt lời trong 1 – 2 phiên tới. Điều này cho thấy khả năng chỉnh về điểm số có thể diễn ra. (ii) Dòng tiền vẫn tập trung đẩy giá xoay tua với việc lựa chọn các cổ phiếu được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh tốt trong Q2/2025 hoặc các cổ phiếu có tin tức vĩ mô hỗ trợ tốt như trường hợp của nhóm nuôi lợn hôm nay với sự kiện Bộ Công An điều tra công ty CP và NĐT kỳ vọng các công ty trên sàn niêm yết có thể nhận cơ hội đánh chiếm thị phần của CP.

(iii) Về dòng tiền, chúng ta thấy dòng tiền đổ mạnh vào các cổ phiếu như DRI, CTI, EVG, QCG, DGW, DXG, DBC, HNG, PVS, SCR... Chúng tôi thấy nhóm Penny Stock đang bắt đầu xuất hiện sóng ngầm đầu cơ và điều này có vẻ đi đúng như dự báo của chúng tôi vào cuối tuần trước.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 10 mã cho tín hiệu bán, 15 mã cho tín hiệu đi ngang. PLX, HPG, SSI, VJC ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 30.43% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,300 điểm và kháng cự là 1,350 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VNM



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	475.04	475.25	474.84	YES	477.9	481.16	484.02	487.28	471.78	468.92	465.66	462.8
HNXINDEX	230.45	230.26	230.64	YES	231.64	232.45	233.64	234.45	229.64	228.45	227.64	226.45
UPIINDEX	99.16	99.24	99.09	YES	99.63	100.25	100.72	101.34	98.54	98.07	97.45	96.98
VN30	1435.48	1435.58	1435.38	YES	1441.39	1447.5	1453.41	1459.52	1429.37	1423.46	1417.35	1411.44
VNXALL	2215.04	2215.55	2214.53	YES	2221.46	2228.9	2235.32	2242.76	2207.6	2201.18	2193.74	2187.32
VNINDEX	1346.14	1346.33	1345.94	YES	1350.74	1355.75	1360.35	1365.36	1341.13	1336.53	1331.52	1326.92
VN30FIQ	1427.93	1428.6	1427.27	YES	1431.57	1436.53	1440.17	1445.13	1422.97	1419.33	1414.37	1410.73
VN30FIM	1431.1	1431.65	1430.55	YES	1436.1	1442.2	1447.2	1453.3	1425	1420	1413.9	1408.9
VN30F2M	1430.13	1430.9	1429.37	YES	1434.47	1440.33	1444.67	1450.53	1424.27	1419.93	1414.07	1409.73
VN30F2Q	1425.43	1426.3	1424.57	YES	1428.27	1432.83	1435.67	1440.23	1420.87	1418.03	1413.47	1410.63
BCM	60.97	61.05	60.88	NO	61.43	62.07	62.53	63.17	60.33	59.87	59.23	58.77
ACB	21.18	21.23	21.14	NO	21.27	21.43	21.52	21.68	21.02	20.93	20.77	20.68
BID	35.83	35.88	35.79	NO	36.02	36.28	36.47	36.73	35.57	35.38	35.12	34.93
BVH	51.23	51.2	51.27	YES	51.77	52.23	52.77	53.23	50.77	50.23	49.77	49.23
CTG	38.62	38.68	38.56	NO	38.78	39.07	39.23	39.52	38.33	38.17	37.88	37.72
FPT	117.27	117.35	117.18	YES	118.03	118.97	119.73	120.67	116.33	115.57	114.63	113.87
GAS	65.1	65.25	64.95	NO	65.5	66.2	66.6	67.3	64.4	64	63.3	62.9
GVR	29.35	29.45	29.25	NO	29.65	30.15	30.45	30.95	28.85	28.55	28.05	27.75
HDB	21.87	21.88	21.86	YES	21.98	22.12	22.23	22.37	21.73	21.62	21.48	21.37
HPG	26.1	26.17	26.03	NO	26.25	26.55	26.7	27	25.8	25.65	25.35	25.2
LPB	31.9	31.98	31.82	NO	32.05	32.35	32.5	32.8	31.6	31.45	31.15	31
MBB	24.62	24.65	24.58	NO	24.73	24.92	25.03	25.22	24.43	24.32	24.13	24.02
MSN	63.83	63.7	63.97	NO	64.67	65.23	66.07	66.63	63.27	62.43	61.87	61.03
MWG	61.73	61.95	61.52	NO	62.37	63.43	64.07	65.13	60.67	60.03	58.97	58.33
PLX	36.18	36.25	36.12	NO	36.62	37.18	37.62	38.18	35.62	35.18	34.62	34.18
SAB	50.12	50.13	50.11	YES	50.68	51.27	51.83	52.42	49.53	48.97	48.38	47.82
SSB	18.32	18.35	18.28	NO	18.38	18.52	18.58	18.72	18.18	18.12	17.98	17.92
SHB	13.9	13.95	13.85	NO	14	14.2	14.3	14.5	13.7	13.6	13.4	13.3
SSI	24.35	24.42	24.28	NO	24.55	24.9	25.1	25.45	24	23.8	23.45	23.25
STB	41.25	41.38	41.13	NO	41.5	42	42.25	42.75	40.75	40.5	40	39.75
TCB	31.42	31.45	31.38	NO	31.63	31.92	32.13	32.42	31.13	30.92	30.63	30.42
TPB	13.17	13.2	13.13	NO	13.23	13.37	13.43	13.57	13.03	12.97	12.83	12.77
VCB	56.7	56.75	56.65	YES	56.9	57.2	57.4	57.7	56.4	56.2	55.9	55.7
VHM	76.93	76.85	77.02	NO	77.77	78.43	79.27	79.93	76.27	75.43	74.77	73.93
VIB	18.12	18.13	18.11	YES	18.18	18.27	18.33	18.42	18.03	17.97	17.88	17.82
VIC	97.67	97.45	97.88	NO	98.93	99.77	101.03	101.87	96.83	95.57	94.73	93.47
VJC	91.2	90.9	91.5	NO	93.1	94.4	96.3	97.6	89.9	88	86.7	84.8
VPB	18.33	18.38	18.29	NO	18.47	18.68	18.82	19.03	18.12	17.98	17.77	17.63
VNM	56.73	56.65	56.82	NO	57.97	59.03	60.27	61.33	55.67	54.43	53.37	52.13
VRE	26.72	26.6	26.83	NO	27.23	27.52	28.03	28.32	26.43	25.92	25.63	25.12

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HQC	15,960,500	7,561,620	211	3.28
DBC	26,858,300	6,988,590	384	6.85
SCR	17,406,900	4,421,020	394	6.96
VNM	8,419,300	3,152,020	267.11	2.52
MST	6,017,800	2,453,150	245	5.17
DXS	5,857,600	2,346,580	250	6.9
CTI	4,868,300	1,829,400	266.11	6.07
DGW	3,059,800	1,479,920	207	3.22
EVG	6,029,100	1,265,840	476	6.89
QCG	4,948,100	1,257,660	393.44	6.75
G36	2,929,000	1,151,150	254	7.87
DRI	2,353,000	1,133,450	208	3.39
DRH	1,922,600	793,780	242	4.17
SAB	1,483,800	732,140	203	1.21
NRC	2,784,200	634,100	439.08	0
TTA	1,308,400	622,740	210	2.74
DCL	1,130,200	517,930	218	2.2
CCL	1,206,000	416,100	290	2.85
CRE	857,400	353,910	242	6.91
IPA	710,700	259,780	273.58	2.76
DBD	473,900	223,080	212	4.28
OGC	502,300	217,840	231	-0.71
ST8	639,200	203,790	314	2.92
PGN	446,700	201,340	222	1.61
DGT	1,011,600	198,390	509.9	0
HAR	424,900	179,250	237	2.14
VLC	452,100	146,670	308	4.61
MIG	373,200	137,750	271	2.12
CIG	371,500	127,420	292	0
LDP	256,100	122,500	209	0.92
PIV	316,100	91,610	345	-3.23
ASP	497,800	76,250	653	6.93
BCC	176,500	75,170	235	0
BMI	307,400	74,980	410	2.61
MML	270,000	74,010	365	5.15
FOX	204,800	70,020	292	1.52
HSL	185,800	67,960	273	6.81
ICT	161,300	60,870	265	0.36
C47	121,100	60,180	201	0.98
PSB	129,200	58,420	221	0

- Lưu ý: HQC, DBC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
2-Jun	HDG	Mua	≤ 27	10% -20%	Tín hiệu mua trung hạn đã xuất hiện với MA(20) cắt lên MA(50) - Cổ phiếu thích hợp đầu tư

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 03/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.982 VND/USD, tăng 12 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.783 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.181 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.053 VND/USD, tăng 23 đồng so với phiên 02/06. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 30 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.230 VND/USD và 26.330 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 03/06, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,02 – 0,08 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 1M, cụ thể: ON 3,75%; 1W 4,05%; 2W 4,18% và 1M 4,35%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng nhẹ 0,01 – 0,03 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn ON, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,37%; 2W 4,41%, 1M 4,44%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng nhẹ ở các kỳ hạn từ 5Y trở lên, chốt phiên với mức: 3Y 2,23%; 5Y 2,50%; 7Y 2,83%; 10Y 3,12%; 15Y 3,24%.
- Nghị quyết vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố phiên 03/06, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng kỳ hạn 7 ngày, 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày và 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 1.381,75 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày và 1.770,65 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 35 ngày, các kỳ hạn còn lại không có khối lượng trúng thầu. Có 2.867,85 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN bơm ròng 284,55 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 42.975,07 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

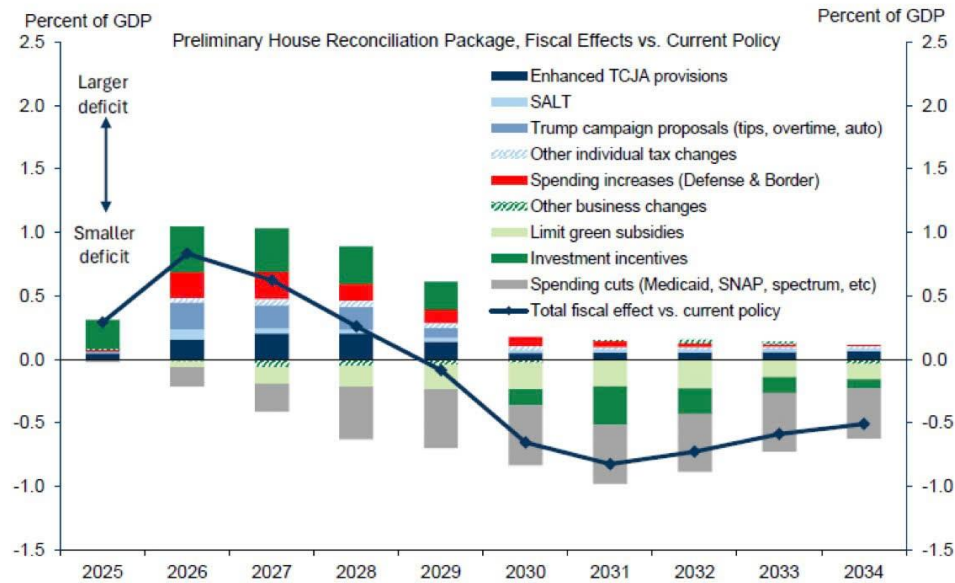
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

Dự luật ngân sách của Mỹ - Cắt giảm thuế trước cắt giảm chi tiêu sau

Exhibit 3: Front-Loaded Tax Cuts, Back-Loaded Spending Cuts



Source: Congressional Budget Office, Joint Committee on Taxation, Goldman Sachs Global Investment Research

CBO ước tính thâm hụt ngân sách của Mỹ

Congressional Budget Office
Cost Estimate

June 4, 2025

Summary

Estimated Budgetary Effects of H.R. 1, the One Big Beautiful Bill Act

As passed by the House of Representatives on May 22, 2025

	By Fiscal Year, Millions of Dollars												2025-2029	2025-2034
	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034				
	Increases or Decreases () in Direct Spending Outlays, Revenues, and Deficits													
Title I. Committee on Agriculture														
Estimated Outlays	453	-12,597	-16,168	-30,026	-30,958	-29,094	-28,121	-30,535	-30,874	-31,065		-88,396	-238,085	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	453	-12,597	-16,168	-30,026	-30,958	-29,094	-28,121	-30,535	-30,874	-31,065		-88,396	-238,085	
Title II. Committee on Armed Services														
Estimated Outlays	1,957	40,299	42,019	23,548	16,779	9,367	4,878	2,889	1,514	742		124,602	143,992	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	1,957	40,299	42,019	23,548	16,779	9,367	4,878	2,889	1,514	742		124,602	143,992	
Title III. Committee on Education and Workforce														
Estimated Outlays	-197,940	-14,271	-12,706	-12,649	-15,714	-18,455	-19,118	-19,236	-19,422	-19,591		-253,280	-349,102	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	-197,940	-14,271	-12,706	-12,649	-15,714	-18,455	-19,118	-19,236	-19,422	-19,591		-253,280	-349,102	
Title IV. Committee on Energy and Commerce														
Estimated Outlays	-1,145	-28,487	-66,042	-95,483	-111,573	-128,936	-146,869	-153,462	-149,810	-145,436		-302,730	-1,027,243	
Estimated Revenues	-26	-231	4,045	6,441	8,640	9,942	12,025	13,220	4,120	171		18,869	58,347	
Net Effect on the Deficit	-1,119	-28,256	-70,087	-101,924	-120,213	-138,878	-158,894	-166,682	-153,930	-145,607		-321,599	-1,085,590	
On-Budget Deficit	-1,126	-28,509	-70,701	-102,952	-121,294	-139,990	-160,050	-167,908	-155,221	-146,962		-324,582	-1,094,713	
Off-Budget Deficit	7	253	614	1,028	1,081	1,112	1,156	1,226	1,291	1,355		2,983	9,123	
Title V. Committee on Financial Services														
Estimated Outlays	-16	-352	-800	-926	-948	-973	-1,013	-1,090	-1,160	-1,200		-3,042	-8,478	
Estimated Revenues	0	-473	-724	-720	-752	-1,081	-410	-427	-443	-455		-2,669	-3,323	
Net Effect on the Deficit	-16	121	-76	-206	-196	-2,054	-603	-663	-717	-745		-373	-5,155	
Title VI. Committee on Homeland Security														
Estimated Outlays	*	2,488	9,218	14,008	13,995	13,623	11,145	7,984	4,556	2,130		39,709	79,147	
Estimated Revenues	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Net Effect on the Deficit	*	2,488	9,218	14,008	13,995	13,623	11,145	7,984	4,556	2,130		39,709	79,147	
Title VII. Committee on the Judiciary														
Estimated Outlays	*	6,426	10,277	15,080	18,795	13,657	8,207	2,625	-530	-1,122		50,578	73,415	
Estimated Revenues	0	2,394	5,916	6,193	6,990	8,004	8,397	8,635	8,872	9,008		21,493	64,409	
Net Effect on the Deficit	*	4,032	4,361	8,887	11,805	5,653	-190	-6,010	-9,402	-10,130		29,085	9,006	
Title VIII. Committee on Natural Resources														
Estimated Outlays	-122	-321	-499	-1,269	-1,300	-1,930	-2,129	-2,480	-3,227	-3,866		-3,511	-17,143	
Estimated Revenues	0	65	130	130	135	140	140	145	150	150		460	1,185	
Net Effect on the Deficit	-122	-386	-629	-1,399	-1,435	-2,070	-2,269	-2,625	-3,377	-4,016		-3,971	-18,328	
Title IX. Committee on Oversight and Government Reform														
Estimated Outlays	0	40	-6	-223	-597	-965	-1,296	-1,545	-1,742	-1,899		-786	-8,233	
Estimated Revenues	8	64	160	258	359	459	563	668	775	887		849	4,201	
Net Effect on the Deficit	-8	-24	-166	-481	-956	-1,424	-1,859	-2,213	-2,517	-2,786		-1,635	-12,434	
On-Budget Deficit	-8	-21	-169	-481	-956	-1,424	-1,859	-2,213	-2,517	-2,786		-1,635	-12,434	
Off-Budget Deficit	0	-3	3	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
Title X. Committee on Transportation and Infrastructure														
Estimated Outlays	-612	536	1,642	3,809	5,060	4,388	3,924	3,674	3,354	1,974		10,435	27,749	
Estimated Revenues	0	423	1,742	3,405	5,230	7,064	8,815	10,660	12,556	14,414		10,800	64,309	
Net Effect on the Deficit	-612	113	-100	404	-170	-2,676	-4,891	-6,986	-9,202	-12,440		-365	-36,560	
Title XI. Committee on Ways and Means														
Estimated Outlays	593	7,650	12,927	7,581	1,153	-6,785	-6,720	-7,764	-9,089	-10,152		29,907	-10,602	
Estimated Revenues	-89,234	-483,642	-557,949	-551,520	-470,310	-298,373	-241,385	-294,641	-375,516	-402,413		-2,152,662	-3,764,990	
Net Effect on the Deficit	89,827	491,292	570,876	559,101	471,463	291,588	234,665	286,877	366,427	392,261		2,182,569	3,754,388	
On-Budget Deficit	89,827	491,109	570,448	558,409	470,578	290,616	233,629	285,781	365,267	391,030		2,180,377	3,746,702	
Off-Budget Deficit	0	183	428	692	885	972	1,036	1,096	1,160	1,231		2,192	7,686	
Interactions Among Titles														
Estimated Outlays	0	1,649	4,736	7,614	9,544	11,355	13,111	15,981	10,063	6,925		23,543	80,978	
Estimated Revenues	0	-75	-4,968	-9,106	-12,208	-14,505	-16,998	-18,782	-10,253	-7,077		-26,357	-93,972	
Net Effect on the Deficit	0	1,724	9,704	16,720	21,752	25,860	30,109	34,763	20,316	14,002		49,900	174,950	
Total Changes														
Estimated Outlays	-196,832	3,060	-15,402	-68,936	-94,864	-134,748	-164,001	-182,959	-196,367	-202,560		-372,971	-1,253,605	
Estimated Revenues	-89,252	-481,475	-551,648	-544,919	-461,916	-286,188	-228,853	-280,522	-359,739	-385,315		-2,129,217	-3,669,834	
Net Effect on the Deficit	-107,580	484,535	536,246	475,983	367,052	151,440	64,852	97,563	163,372	182,755		1,756,246	2,416,229	
On-Budget Deficit	-107,587	484,102	535,201	474,263	365,086	149,356	62,660	95,241	160,921	180,169		1,751,071	2,399,420	
Off-Budget Deficit	7	433	1,045	1,720	1,966	2,084	2,192	2,322	2,451	2,586		5,175	16,809	

TTCK MỸ

Ngành bán dẫn liệu có Break out ?

Wallmark đang ở kháng cự được tạo ra bởi khoảng trống giá trước đó



Nhóm ngành bán dẫn sẵn sàng bứt phá ?



Visa và MasterCard với mô hình cốc tay cầm



S&P 500 đã sẵn sàng bứt phá ngắn hạn ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

